

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 90/TC-TCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 1993

THÔNG TƯ
CỦA BỘ TÀI CHÍNH

Hướng dẫn một số điểm về chính sách

thuế đối với ngân hàng liên doanh và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam

Căn cứ vào luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các Luật thuế hiện hành, Nghị định số 18/CP ngày 16-4-1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Nghị định số 55-CP ngày 28-8-1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật thuế doanh thu, quy chế chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Ngân hàng liên doanh hoạt động tại Việt Nam ban hành tại Nghị định 189/HĐBT ngày 15-6-1991 của Hội đồng Bộ trưởng; Bộ Tài chính hướng dẫn một số điểm về chính sách thuế đối với các ngân hàng liên doanh và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng nước ngoài) như sau:

1. Thuế doanh thu.

Theo quy định tại luật thuế doanh thu ngày 30-6-1990 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế doanh thu ngày 5-7-1993 thì ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam phải nộp thuế doanh thu cho toàn bộ doanh thu phát sinh từ các hoạt động kinh doanh trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam .

a) Doanh thu chịu thuế:

Doanh thu chịu thuế được quy định như sau:

Đối với hoạt động tín dụng ngân hàng: là khoản chênh lệch giữa thu lãi tiền cho vay, thu lãi tiền gửi của ngân hàng với trả lãi tiền đi vay, trả lãi tiền gửi của khách hàng.

Đối với hoạt động kinh doanh ngoại tệ: mua bán chứng khoán có giá do cơ quan Nhà nước và tổ chức kinh tế Việt Nam phát hành, mua bán vàng, bạc, đá quý; là chênh lệch giữa giá mua và giá bán ngoại tệ, vàng, bạc, đá quý và chứng khoán có giá nêu trên.

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ nghiệp vụ thuộc lĩnh vực ngân hàng như thanh toán hộ, chuyển tiền, bảo lãnh: là số tiền thu được hoặc hoa hồng được hưởng từ việc cung cấp các dịch vụ này.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác như cho thuê, nhượng bán tài sản... là toàn bộ số tiền thu được từ các hoạt động này.

b) Thuế suất thuế doanh thu:

Thuế suất thuế doanh thu được quy định như sau:

Đối với hoạt động tín dụng ngân hàng thuế suất là 15% doanh thu chịu thuế.

Đối với hoạt động kinh doanh ngoại tệ, mua bán chứng khoán có giá thuế suất là 25% doanh thu chịu thuế.

Đối với hoạt động mua bán vàng, bạc, đá quý thuế suất là 15% doanh thu chịu thuế.

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ nghiệp vụ thuộc lĩnh vực ngân hàng, thuế suất là 6% doanh thu chịu thuế.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác, thuế suất thuế doanh thu được áp dụng theo biểu thuế doanh thu ban hành tại Nghị định số 55-CP ngày 28-8-1993 của Chính phủ phù hợp với nội dung, tính chất của từng hoạt động kinh doanh.

2. Thuế lợi tức.

Theo quy định tại Nghị định số 16-4-1993 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thì ngân hàng nước ngoài phải nộp thuế lợi tức đối với toàn bộ lợi tức phát sinh từ hoạt động kinh doanh, từ các quyền sở hữu hay quyền sử dụng tài sản trong và ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam .

a) Lợi tức chịu thuế

Lợi tức chịu thuế được xác định bằng chênh lệch giữa doanh thu để tính thuế lợi tức với các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ, cộng với các khoản thuế lợi tức khác.

Doanh thu để tính thuế lợi tức bao gồm các khoản thu từ hoạt động tín dụng ngân hàng, kinh doanh ngoại tệ, chứng khoán có giá do Nhà nước và tổ chức kinh tế Việt Nam phát hành, bán vàng, bạc, đá quý, các hoạt động cung cấp dịch vụ nghiệp vụ thuộc lĩnh vực ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác chưa trừ một khoản chi phí nào của ngân hàng nước ngoài trong năm tính thuế.

Các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ bao gồm:

Chi phí về nguyên liệu, năng lượng phục vụ cho các hoạt động của ngân hàng.

Tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp trả cho người lao động Việt Nam và nước ngoài trên cơ sở hợp đồng lao động phù hợp với quy chế lao động đối với xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ban hành tại Nghị định số 233-HĐBT ngày 22-6-1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

Khấu hao tài sản cố định. Việc trích khấu hao tài sản cố định phải phù hợp với quy định tại Thông tư số 31-TC/TCĐN ngày 18-7-1993. Trường hợp ngân hàng muốn trích khấu hao cao hơn mức quy định tại Thông tư này phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Bộ Tài chính.

Chi phí mua hoặc bán hoặc trả tiền do việc sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế, công nghệ và dịch vụ kỹ thuật...

Chi phí quảng cáo.

Các khoản thuế, phí và lệ phí (không kể thuế lợi tức, thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài và các loại thuế thu trên thu nhập).

Tiền nộp bảo hiểm cho người lao động thuộc nghĩa vụ của ngân hàng nước ngoài theo quy định tại điều 46 của Nghị định số 233-HĐBT ngày 22-6-1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

Các khoản tiền thu bảo hiểm tài sản của Ngân hàng nước ngoài theo chế độ thống nhất của Nhà nước Việt Nam.

Lãi suất, chiết khấu hợp lý trả cho các khoản tiền gửi, vốn đi vay hoặc các công cụ tài chính khác.

Chi phí quản lý bao gồm chi phí hành chính, chi phí bảo quản kho tàng nhà cửa, chi phí bảo hộ lao động, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ, an ninh.

Các khoản chi phí khác chưa được kể đến ở trên, nhưng không vượt quá 5% tổng chi phí nêu trên.

Lỗi của các năm trước chuyển sang. Thời hạn chuyển các khoản lỗi không quá 5 năm tài chính tiếp theo kể từ năm tài chính phát sinh lỗi.

Các chi phí dưới đây không được loại trừ khi xác định lợi tức chịu thuế.